



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 97./2021/BII/CBTT

TP.HCM, ngày 30 tháng 08 năm 2021

**Kính gửi:** - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Louis Land
2. Mã CK: BII
3. Địa chỉ trụ sở Công ty: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận
4. Điện thoại: 028 7777 9999 Fax:
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông LỤC TẤN HUY – Chức vụ: Tổng Giám đốc
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 Công ty Cổ phần Louis Land và các Công ty con.

Nội dung giải trình:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thay đổi 10% so với cùng kỳ; và chuyển từ lỗ ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lãi ở kỳ này.

Chỉ tiêu	6T/2020	6T/2021	Thay đổi
LNST tại báo cáo riêng	-87.715.519.523 đ	57.850.481.227 đ	166,0%
LNST tại báo cáo hợp nhất	-89.364.112.215 đ	34.935.345.764 đ	139,1%

**Nguyên nhân:**

- Trong kỳ Công ty hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính số tiền là 85.176.358.036 VND, ghi nhận doanh thu tài chính là 1.872.400.000 VND tại báo cáo riêng và 85.176.358.036 VND tại báo cáo hợp nhất và ghi nhận chi phí tài chính là 33.045.857.203 VND tại báo cáo hợp nhất từ việc thoái các khoản đầu tư vào công ty con (Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Bình Thuận, Công ty TNHH Địa ốc Tân Bửu, Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Lam Sơn, Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Bidico, Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận và Công ty TNHH Golden Resources).
- Giảm chi phí Dự phòng phải thu khó đòi số tiền là 48.051.345.353 VND tại báo cáo riêng và 75.816.374.901 VND tại báo cáo hợp nhất nhờ nỗ lực đốc thúc thu hồi, kiểm soát công nợ của Ban Giám đốc Công ty.

2. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau soát xét từ 5% trở lên:

Chỉ tiêu	Báo cáo tự lập	Báo cáo soát xét	Chênh lệch
LNST tại báo cáo riêng	83.662.768.422 đ	57.850.481.227 đ	30,85%
LNST tại báo cáo hợp nhất	47.987.462.480 đ	34.935.345.764 đ	27,20%

**Nguyên nhân:**

- LNST tại báo cáo riêng giảm 25.812.287.195 VND hay 30,85% sau khi được soát xét nguyên nhân chủ yếu do trích lập dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty TNHH Toccoo Việt



Nam, Công ty TNHH MTV Đô Thị An Sinh Định Thành và Công ty TNHH MTV Bất động sản và Xây dựng Bình Thuận với tổng số tiền là 25.705.967.058 VND.

- LNST tại báo cáo hợp nhất giảm 13.052.116.716 VND hay 27,20% sau khi được soát xét nguyên nhân chủ yếu do:
  - + Trích lập dự phòng phải thu khó đòi 6.000.000.000 VND;
  - + Ghi nhận thuế TNDN hoãn lại từ hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con (Công ty TNHH Toccoo Việt Nam, Công ty TNHH MTV Đô Thị An Sinh Định Thành và Công ty TNHH MTV Bất động sản và Xây dựng Bình Thuận) như đã được trình bày ở trên với số tiền là 5.142.025.230 VND.

7. Địa chỉ Website đăng tải: <https://louisland.vn/bao-cao-tai-chinh.htm>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu: Phòng KT, QHCD.





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

*Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021*

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS LAND  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

# AISC

Auditing and Informatic Services Company Limited

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

*Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021*

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS LAND  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**



**MỤC LỤC**  
----- oOo -----

---

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11 - 12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 44

---

---

## CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS LAND VÀ CÁC CÔNG TY CON

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

---

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty Cổ phần Louis Land và các Công ty con.

#### 1. Thông tin chung về Công ty

##### Thành lập

Công ty Cổ phần Louis Land (gọi tắt là "Công ty"), trước đó là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghiệp Bảo Thư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3400555146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29 tháng 5 năm 2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 25 ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Công ty có hai (02) chi nhánh :

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chi nhánh với mã số 3400555146-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 6 tháng 12 năm 2010 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 10 ngày 24 tháng 12 năm 2020.

Chi nhánh tại Đồng Nai hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chi nhánh với mã số 3400555146-002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 15 tháng 3 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01 tháng 4 năm 2015.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BII kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2014 theo Quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 467/QĐ-SGDHN ngày 29/8/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.

**Tên tiếng anh:** Louis Land Joint Stock Company.

**Tên viết tắt:** LOUIS LAND.

**Mã chứng khoán:** BII.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Khai thác - Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.

**Trụ sở chính:** Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

#### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ kế toán của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS LAND VÀ CÁC CÔNG TY CON

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

#### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy Ban Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy Ban Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm có:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quang Nhuận	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 18/6/2021)
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 18/6/2021) Thành viên (Bổ nhiệm 18/6/2021)
Ông Huỳnh Quang Vinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/6/2021)
Ông Lục Tấn Huy	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/6/2021)
Ông Trịnh Văn Huy	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 18/6/2021)
Ông Đỗ Thành Nhân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/2/2021, miễn nhiệm ngày 10/6/2021)
Ông Võ Phú Nông	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/6/2021)
Ông Dương Hùng Biện	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/6/2021)
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/6/2021)
Ông Nguyễn Quốc Hồ	Thành viên (Miễn nhiệm 08/2/2021)

##### Ủy Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Trịnh Văn Huy	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 18/6/2021)
Ông Hồ Lê Hoàng Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/6/2021)

##### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lục Tấn Huy	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Ông Huỳnh Quang Vinh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/4/2021, miễn nhiệm 29/6/2021)
Ông Lê Quang Nhuận	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/4/2021)
Ông Lục Tấn Huy	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/4/2021, miễn nhiệm ngày 29/6/2021)
Ông Ngô Thục Vũ	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/2/2021, miễn nhiệm ngày 26/4/2021)
Bà Nguyễn Thị Minh Hiệp	Kế toán trưởng

##### Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ông Lục Tấn Huy	Tổng Giám đốc (Từ ngày 02/7/2021 đến nay)
Ông Huỳnh Quang Vinh	Tổng Giám đốc (Từ ngày 10/5/2021 đến ngày 02/7/2021)
Ông Lê Quang Nhuận	Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 10/5/2021)

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

### 4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty.

### 5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 6. Xác nhận

Theo ý kiến Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Bình Thuận, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Lê Quang Nhuận

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

**Head Office:** 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn

Số: A0621329-SXHN/AISC-DN5 **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:**

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS LAND VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của **Công ty Cổ phần Louis Land và các công ty con** (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2021, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của **Công ty Cổ phần Louis Land và các công ty con** tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không ảnh hưởng đến kết luận như đã nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ những vấn đề sau:

- Tại mục V.10 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: Mặc dù Tập đoàn đã có kế hoạch tiếp tục triển khai các dự án được nêu cụ thể tại mục IX.1 - Các cam kết và thông tin tài chính khác, nhưng chúng tôi cũng muốn lưu ý về tiến độ thực hiện các dự án này trên thực tế;

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

- Tại mục IX.1 - Các cam kết và thông tin tài chính khác: Tập đoàn đã sử dụng toàn bộ vốn góp của chủ sở hữu tại các công ty Con: Công ty TNHH MTV Đô Thị An Sinh Định Thành, Công ty TNHH Louis IC Tân Bình, Công ty TNHH Louis IC Trị An để tạm ứng cho các cá nhân nhằm mục đích chi trả tiền đền bù, giải phóng mặt bằng trong việc thực hiện các dự án tại các công ty này. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng đã sử dụng toàn bộ vốn góp của chủ sở hữu tại Công ty TNHH Louis Bricks (một công ty Con) để ứng trước cho Công ty TNHH Louis Decor & Construction nhằm thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất gạch không nung. Việc sử dụng toàn bộ vốn góp của chủ sở hữu để tạm ứng cho cá nhân, tổ chức thực hiện các dự án có thể ảnh hưởng đến nguồn vốn kinh doanh còn lại trong việc duy trì và hoạt động kinh doanh bình thường của Tập đoàn. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo báo cáo này không bao gồm những điều chỉnh có thể phát sinh từ sự ảnh hưởng này;

- Tại mục IV.1.3 và IX.5, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo đến việc Tập đoàn đã thoái toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty TNHH Golden Resource (một công ty Con được ghi nhận kể từ ngày mua 21/12/2020) và ghi nhận lỗ từ việc thanh lý công ty Con này trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 xuất phát từ việc Tập đoàn đã thay đổi kế hoạch đầu tư theo định hướng ban đầu tại ngày mua là nắm giữ quyền kiểm soát công ty Con mục đích đầu tư dài hạn.

### Vấn đề khác

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cá nhân và tổ chức nhận chuyển nhượng vốn đầu tư từ các công ty Con của Tập đoàn chưa hoàn tất việc đăng ký thay đổi chủ sở hữu trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của từng công ty Con. Theo đó, Tập đoàn đã cam kết sẽ phối hợp với các cá nhân và tổ chức này để hoàn thiện các thủ tục pháp lý có liên quan trong thời gian sớm nhất có thể.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Louis Land đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ vào ngày 09 tháng 4 năm 2021. Các vấn đề ngoại trừ liên quan đến kiểm kê tiền mặt và chi phí trả trước mô cát trắng Tân Phước đã được xử lý trong 6 tháng đầu năm 2021.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2021*



**LÊ HÙNG DŨNG**

Số Giấy CNĐKHNKT: 3174-2020-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>755.223.054.606</b>	<b>536.544.461.746</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>447.848.864</b>	<b>2.581.203.771</b>
1. Tiền	111		447.848.864	2.581.203.771
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>154.985.764.306</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		25.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(14.235.694)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		130.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>516.051.832.304</b>	<b>444.453.635.732</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	134.227.973.080	157.021.243.415
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	114.484.526.884	111.672.292.824
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	280.202.411.863	195.523.937.858
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,4,5	(12.863.079.523)	(22.366.295.198)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	2.602.456.833
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>78.559.864.741</b>	<b>86.323.055.914</b>
1. Hàng tồn kho	141		78.564.182.848	86.521.276.102
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.318.107)	(198.220.188)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.177.744.391</b>	<b>3.186.566.329</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.367.941.950	2.373.139.888
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	809.802.441	813.426.441
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>178.061.058.936</b>	<b>478.372.748.816</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>180.983.924.350</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	575.001.407	218.243.527.321
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.4b	(575.001.407)	(37.259.602.971)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.714.785.729</b>	<b>89.806.132.159</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	4.714.785.729	66.415.492.159
- Nguyên giá	222		23.416.031.634	101.122.954.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.701.245.905)	(34.707.462.568)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	23.390.640.000
- Nguyên giá	228		-	23.390.640.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>155.916.903.188</b>	<b>174.457.107.488</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	155.916.903.188	174.457.107.488
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.429.370.019</b>	<b>33.125.584.819</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	-	33.125.584.819
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		17.429.370.019	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>933.284.113.542</b>	<b>1.014.917.210.562</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>332.585.348.365</b>	<b>449.673.791.235</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>227.443.323.135</b>	<b>346.830.068.709</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	39.453.152.887	69.287.300.466
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	291.178.800	6.867.328.800
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	2.746.996.033	12.919.322.253
4. Phải trả người lao động	314		1.637.546.866	3.349.954.455
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	69.841.932.559	80.903.840.905
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	15.355.760.462	42.748.558.782
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	98.116.755.528	130.753.763.048
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>105.142.025.230</b>	<b>102.843.722.526</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	100.000.000.000	100.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	-	2.843.722.526
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		5.142.025.230	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021	01/01/2021
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>600.698.765.177</b>	<b>565.243.419.327</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>600.698.765.177</b>	<b>565.243.419.327</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		576.800.000.000	576.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		576.800.000.000	576.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.356.365.939	(22.854.748.332)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(22.854.748.332)	(73.046.836.501)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		35.211.114.271	50.192.088.169
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.542.399.238	11.298.167.659
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>933.284.113.542</b>	<b>1.014.917.210.562</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



MAI THỊ KIM PHƯỢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ MINH HIỆP

Bình Thuận, ngày 27 tháng 8 năm 2021



TỔNG GIÁM ĐỐC

LỤC TẤN HUY

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	159.367.377.273	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		159.367.377.273	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	154.001.904.754	-
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	<b>20</b>		<b>5.365.472.519</b>	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	85.176.765.115	103.417
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	38.074.241.646	4.800.281.725
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.014.148.749	4.800.281.725
8. Phần lãi (/hoặc lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	507.799.828	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	9.168.190.001	82.032.359.835
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	<b>30</b>		<b>42.792.006.159</b>	<b>(86.832.538.143)</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.6	29.686.928	513.458.845
13. Chi phí khác	32	VI.7	2.744.322.093	3.045.032.917
<b>14. Lợi nhuận khác</b> (40 = 31 - 32)	<b>40</b>		<b>(2.714.635.165)</b>	<b>(2.531.574.072)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>40.077.370.994</b>	<b>(89.364.112.215)</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		5.142.025.230	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>34.935.345.764</b>	<b>(89.364.112.215)</b>
Cổ đông của Công ty mẹ	61		35.211.114.271	(88.712.531.885)
Cổ đông không kiểm soát	62		(275.768.507)	(651.580.330)
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.8</b>	<b>610</b>	<b>(1.538)</b>
<b>20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.8</b>	<b>610</b>	<b>(1.538)</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



MAI THỊ KIM PHƯỢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ MINH HIỆP

Bình Thuận, ngày 27 tháng 8 năm 2021



LỤC TẤN HUY

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>40.077.370.994</b>	<b>(89.364.112.215)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.5	1.341.406.680	2.779.234.377
- Các khoản dự phòng	03	VI.4,5	4.333.635.366	80.135.774.573
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(49.928.769.643)	(513.458.845)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	5.014.148.749	4.800.281.725
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>837.792.146</b>	<b>(2.162.280.385)</b>
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		21.319.554.332	2.249.893.781
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(7.911.209.519)	151.357.102
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		13.657.127.462	(1.841.224.410)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(1.166.777.851)	500.170.066
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.883.730.947)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14a	(9.040.971.538)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.811.784.085</b>	<b>(1.102.083.846)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(49.990.909)	(141.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		8.400.000.000	500.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(130.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(158.642.576.296)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		311.357.428.213	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>31.064.861.008</b>	<b>359.000.000</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		133.990.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(169.000.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(35.010.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(2.133.354.907)</b>	<b>(743.083.846)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>2.581.203.771</b>	<b>1.094.662.844</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>447.848.864</b>	<b>351.578.998</b>

Bình Thuận, ngày 27 tháng 8 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



MAI THỊ KIM PHƯỢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ MINH HIỆP



LỤC TẤN HUY

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Louis Land (gọi tắt là "Công ty"), trước đó là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghiệp Bảo Thu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3400555146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29 tháng 5 năm 2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 25 ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Công ty có hai (02) chi nhánh :

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chi nhánh với mã số 3400555146-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 6 tháng 12 năm 2010 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 10 ngày 24 tháng 12 năm 2020.

Chi nhánh tại Đồng Nai hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chi nhánh với mã số 3400555146-002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 15 tháng 3 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01 tháng 4 năm 2015.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BII kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2014 theo Quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 467/QĐ-SGDHN ngày 29/8/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**Trụ sở chính:** Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:** Khai thác - Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây lắp công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi);

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Các tác động tiêu cực của đợt dịch Covid-19 hiện nay đã ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn trong kỳ kế toán này. Theo đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã có những điều chỉnh về tên doanh nghiệp, cấu trúc vốn đầu tư các dự án, sắp xếp lại hoạt động kinh doanh tại từng đơn vị cũng như chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn trong thời gian tới.

**6. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 6 năm 2021:** 20 nhân viên. ( Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 24 nhân viên)

**7. Cấu trúc doanh nghiệp****7.1. Tổng số các Công ty con**

Tập đoàn có bảy (07) công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn có bảy (07) công ty con sở hữu trực tiếp, cụ thể như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Đô thị An Sinh Định Thành	Bất động sản	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: ấp Hòa Tân, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, Việt Nam.				

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)****7.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất**

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Louis IC Tân Bình	Bất động sản	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: Cụm công nghiệp Tân Bình, xã Tân Bình, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.				
Công ty TNHH Louis IC Trị An	Bất động sản	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: Cụm Công nghiệp Trị An, xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.				
Công ty TNHH Louis Bricks	Kinh doanh vật liệu xây dựng	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: Lô A3, CCN Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.				
Công ty TNHH MTV Bất động sản và Xây dựng Bình Thuận	Xây dựng, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: Cụm công nghiệp Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.				
Công ty TNHH Toccoo Viet Nam	Buôn bán gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	85,00%	85,00%	85,00%
Văn phòng Công ty: Số 03-05, Đường số 7, Khu đô thị Sala, phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.				
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Hạ tầng Bảo Thư Trị An	Bất động sản	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: Số BN2-KL15 Khu dân cư phường Thống Nhất, phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.				

**7.3 Danh sách chi nhánh**

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh: 124 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chi nhánh tại tỉnh Đồng Nai: Số 242, hẻm 25, đường Võ Thị Sáu, khu 12, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

**8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng đầu năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

Tập đoàn áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Louis Land và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần Louis Land theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Louis Land. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty Cổ phần Louis Land.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua Công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Tập đoàn con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Tập đoàn đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

**1.1 Các nghiệp vụ đầu tư góp vốn vào công ty Con trong kỳ**

Tập đoàn đã thông qua việc góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Đô thị An Sinh Định Thành theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 31/2021/BIDICO/HĐQT-NQ ngày 23 tháng 2 năm 2021 và đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Louis IC Tân Bình, Công ty TNHH Louis IC Trị An và Công ty TNHH Louis Bricks theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 36/2021/BIDICO/HĐQT-NQ ngày 01 tháng 3 năm 2021.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**1.2 Các nghiệp vụ nhận chuyển nhượng vốn góp trong kỳ**

*Mua lại Công ty TNHH Toccoo Viet Nam*

Tập đoàn đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp từ các cổ đông và nắm giữ quyền kiểm soát Công ty TNHH Toccoo Viet Nam kể từ ngày 24/02/2021 với quyền biểu quyết 85% tỷ lệ sở hữu tại ngày mua là 85%.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty TNHH Toccoo Viet Nam được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định tương ứng với giá trị ghi sổ và lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất được phân bổ trong thời gian hữu ích kể từ ngày mua.

	<b>Giá trị hợp lý tại ngày mua</b>
<b>Tài sản</b>	<b>280.984.159.140</b>
<b>Nợ phải trả</b>	<b>202.196.374.173</b>
<b>Tài sản thuần</b>	<b>78.787.784.967</b>
<b>Tài sản thuần được hợp nhất (85%)</b>	<b>66.969.617.222</b>
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất	18.030.382.778
<b>Tổng chi phí hợp nhất</b>	<b>85.000.000.000</b>

**1.3 Các nghiệp vụ chuyển nhượng vốn góp trong kỳ**

Tập đoàn đã thông qua việc thoái vốn toàn bộ phần vốn góp Công ty TNHH MTV Chế Biến Cát Bình Thuận theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 74/LH/HĐQT-NQ ngày 20 tháng 4 năm 2021, và ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 25 tháng 4 năm 2021 với giá chuyển nhượng 99.700.000.000 VND. Theo đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, Công ty TNHH MTV Chế Biến Cát Bình Thuận không còn là công ty Con của Tập đoàn.

Tập đoàn đã thông qua việc thoái vốn toàn phần vốn góp Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng BIDICO theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 55/2021/BIDICO/HĐQT-NQ ngày 22 tháng 3 năm 2021, và ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 25 tháng 4 năm 2021 với giá chuyển nhượng 51.000.000.000 VND. Theo đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng BIDICO không còn là công ty Con của Tập đoàn.

Tập đoàn đã thông qua việc thoái vốn toàn bộ phần vốn góp Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Bình Thuận theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2021/BIDICO/HĐQT-NQ ngày 06 tháng 01 năm 2021, và ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 20 tháng 01 năm 2021 với giá chuyển nhượng 32.000.000.000 VND. Theo đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Bình Thuận không còn là công ty Con của Tập đoàn.

Tập đoàn đã thông qua việc thoái vốn toàn bộ phần vốn góp Công ty TNHH Địa ốc Tân Bửu theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 39/2021/LH/HĐQT-NQ ngày 04 tháng 3 năm 2021, và ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 05 tháng 3 năm 2021 với giá trị chuyển nhượng là 67.253.931.850 VND. Theo đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, Công ty TNHH Địa ốc Tân Bửu không còn là công ty Con của Tập đoàn.

Tập đoàn đã thông qua việc thoái vốn toàn bộ phần vốn góp Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Lam Sơn theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 36/2021/BIDICO/HĐQT-NQ ngày 01 tháng 3 năm 2021, và ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 05 tháng 3 năm 2021 với giá chuyển nhượng 2.451.000.000 VND. Theo đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Lam Sơn không còn là công ty Con của Tập đoàn.

Tập đoàn đã thông qua việc thoái vốn toàn bộ phần vốn góp vào Công ty TNHH Golden Resource theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 102/2021/BIDICO/HĐQT-NQ ngày 14 tháng 5 năm 2021, và ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 15 tháng 5 năm 2021 với giá chuyển nhượng là 91.000.000.000 VND. Tập đoàn đã thoái vốn toàn bộ và ghi nhận lỗ từ việc thanh lý công ty Con này xuất phát từ việc Tập đoàn đã thay đổi kế hoạch đầu tư theo định hướng ban đầu là nắm giữ quyền kiểm soát công ty Con kể từ ngày mua (ngày 21/12/2020) cho mục đích đầu tư dài hạn. Theo đó, tại ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, Công ty TNHH Golden Resource không còn là công ty Con của Tập đoàn.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);

- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Tập đoàn đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng đầu tư theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Tập đoàn và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**5. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Tập đoàn ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

**5.1 Đối với BCC dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

Các khoản vốn (bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ) góp vào BCC được ghi nhận và phản ánh trong Báo cáo tài chính là tài sản góp vốn liên doanh căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng. Chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản nhận về và giá trị khoản vốn góp (nếu có) được phản ánh là thu nhập khác hoặc chi phí khác.

Đối với doanh thu, chi phí, sản phẩm liên quan đến hợp đồng thì Tập đoàn ghi nhận doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, chi phí phải gánh chịu của liên doanh căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng. Đối các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát do mình bỏ ra thì Tập đoàn phải ghi nhận chi phí phải gánh chịu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5.2 BCC phân chia lợi nhuận**

Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định, Công ty ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ BCC.

**6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chung có liên quan phát sinh.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí thi công san lấp mặt bằng và cải tạo;...

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****7.1 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**7.2 Phương pháp khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

**Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:**

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 10 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 11 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang****8.1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các Cụm công nghiệp**

Các Cụm công nghiệp được xây dựng để bán hoặc cho thuê trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các Cụm công nghiệp bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, chi phí quyền sử dụng đất, chi phí làm đường và xây dựng hệ thống cấp thoát nước, chi phí trồng cây xanh, chi phí xây dựng trả cho nhà thầu, chi phí tư vấn thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Giá vốn của dự án Cụm công nghiệp đã bán hoặc cho thuê được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các chi phí trực tiếp tạo hành Cụm công nghiệp đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng.

**8.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các Công trình khác**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các Công trình khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Tập đoàn thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Tập đoàn và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Tập đoàn ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

**11. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc**

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong năm dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 25,5%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong năm và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

**12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm trích trước chi phí thi công cơ sở hạ tầng, tiền thuê đất, chi phí lãi vay, các chi phí khác... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

Đối với hoạt động cho thuê đất: chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng và ước tính hợp lý về giá vốn của hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ. Giá vốn hoạt động cho thuê lại đất được tính toán dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã phục vụ cho hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ.

**14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ của Tập đoàn và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Doanh thu chuyển giao đất, cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng**

Tập đoàn áp dụng phương pháp ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức; 2. Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản; 3. Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; 4. Ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)****Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (thanh lý các khoản vốn góp đầu tư vào công ty con; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

**Giá vốn hoạt động cho thuê đất** = Diện tích đất cho thuê trong kỳ x Giá vốn 1m<sup>2</sup> đất cho thuê theo dự toán đầu tư x Tỷ lệ phần trăm ghi nhận doanh thu trong kỳ so với tổng giá trị thực hiện hợp đồng.

Trong đó, đơn giá dự toán đất cho thuê trong Cụm công nghiệp Thăng Hải 1 là 789.917 đ/m<sup>2</sup>.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước. Tập đoàn không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)**

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Tập đoàn là 20%.

**19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**20. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**21. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**22. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2021	01/01/2021
Tiền	447.848.864	2.581.203.771
Tiền mặt	390.386.620	2.491.366.765
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	57.462.244	89.837.006
<b>Cộng</b>	<b>447.848.864</b>	<b>2.581.203.771</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính: (Xem trang 41).**

3. Phải thu của khách hàng	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>134.227.973.080</b>	<b>(5.487.983.400)</b>	<b>157.021.243.415</b>	<b>(4.431.863.400)</b>
Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Hiền	1.967.583.400	(1.967.583.400)	1.967.583.400	(1.967.583.400)
DNTN Hạ Tiến	3.520.400.000	(3.520.400.000)	3.520.400.000	(2.464.280.000)
Công ty Cổ phần Louis Holdings	6.092.824.120	-	5.842.824.120	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Phước Lộc Phát	34.720.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Đại Liên Việt	10.829.500.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vạn Tín Phát	981.219.560	-	25.404.883.550	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Nông sản Thảo Nguyên Xanh	-	-	14.784.143.500	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng (tiếp theo)	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Trần Hữu Vân (*)	30.500.000.000	-	-	-
Phải thu của khách hàng là bên liên quan (xem thuyết minh IX.3)	32.135.323.500	-	-	-
Các khách hàng khác	13.481.122.500	-	105.501.408.845	-
<b>Cộng</b>	<b>134.227.973.080</b>	<b>(5.487.983.400)</b>	<b>157.021.243.415</b>	<b>(4.431.863.400)</b>

(\*) Khoản phải thu từ ông Trần Hữu Vân (Bên liên quan - xem mục IX.3) theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 02/2021/HĐCN/LH-THV ngày 25/4/2021 về việc Công ty Cổ phần Louis Land chuyển nhượng 100% cổ phần Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Bidico với giá trị 51.000.000.000 đồng cho ông Trần Hữu Vân. Số dư tại ngày 30/6/2021 là: 30.500.000.000 VND.

4. Trả trước cho người bán	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>114.484.526.884</b>	<b>(50.000.000)</b>	<b>111.672.292.824</b>	<b>(12.984.412.995)</b>
Bà Từ Thị Hồng Thanh (1)	75.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Louis Decor & Contruction (2)	32.198.800.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV KD VLXD Tân Cang	-	-	31.017.904.500	-
Công ty TNHH Vận tải Thăng Hải	-	-	16.125.507.385	-
Các đối tượng khác	7.285.726.884	(50.000.000)	64.528.880.939	(12.984.412.995)
<b>b. Dài hạn</b>	<b>575.001.407</b>	<b>(575.001.407)</b>	<b>218.243.527.321</b>	<b>(37.259.602.971)</b>
Công ty TNHH NL Gốm sứ và Xây dựng Thiên Lợi	-	-	64.075.000.000	-
Công ty TNHH Địa ốc Bình An	-	-	90.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cát Tường	-	-	49.000.000.800	(34.300.000.560)
Các đối tượng khác	575.001.407	(575.001.407)	15.168.526.521	(2.959.602.411)
<b>Cộng</b>	<b>115.059.528.291</b>	<b>(625.001.407)</b>	<b>329.915.820.145</b>	<b>(50.244.015.966)</b>

(1) Khoản trả trước liên quan đến việc Công ty mua lại toàn bộ phần vốn góp của bà Từ Thị Hồng Thanh (trung ương 100% vốn điều lệ) tại Công ty TNHH MTV Golden Paddy theo Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng phần vốn góp giữa Công ty Cổ phần Louis Land và bà Từ Thị Hồng Thanh ngày 04/3/2021. Đến ngày 30/6/2021, Công ty đã trả trước là 75.000.000.000 VND.

(2) Khoản ứng trước theo hợp đồng tư vấn, thi công xây dựng nhà máy gạch không nung trọn gói số 01/2021/HĐXD ngày 03/3/2021 và phụ lục gia hạn hợp đồng ngày 16/6/2021, tổng giá trị hợp đồng là 64 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa có các báo cáo tiến độ về khối lượng thực hiện và công việc thực tế của dự án này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>280.202.411.863</b>	<b>(7.325.096.123)</b>	<b>195.523.937.858</b>	<b>(4.950.018.803)</b>
Phải thu các bên liên quan (xem thuyết minh mục IX.3)	7.294.237.095	(6.000.000.000)	26.507.723.080	-
(1) Công ty TNHH Thương mại tài chính Hồng Việt (Bên liên quan - xem mục IX.3)	60.000.000.000	-	-	-
(2) Ông Mai Hồng Phúc	11.168.000.000	-	-	-
(3) Ông Võ Kim Nguyên	44.990.000.000	-	-	-
(4) Ông Phạm Văn Cung	125.000.000.000	-	-	-
Tạm ứng	22.118.687.825	-	165.165.993.399	(1.488.072.004)
(5) Ông Võ Phú Nông	22.115.547.825	-	93.961.931.850	-
Ông Mai Hồng Phúc	-	-	45.000.000.000	-
Ông Võ Kim Nguyên	-	-	20.510.980.000	-
Nhân viên khác	3.140.000	-	5.693.081.549	(1.488.072.004)
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	-	3.000.000	-
Phải thu khác	9.628.486.943	(1.325.096.123)	3.847.221.379	(3.461.946.799)
<b>Cộng</b>	<b>280.202.411.863</b>	<b>(7.325.096.123)</b>	<b>195.523.937.858</b>	<b>(4.950.018.803)</b>

(1) Đây là số vốn hợp tác của Công ty vào Công ty TNHH Thương mại Tài chính Hồng Việt (Bên liên quan - xem mục IX.3) theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2021/HTĐT ngày 19/6/2021, nhằm mục đích tìm kiếm thương thảo và sử dụng vốn góp để đầu tư vào quỹ đất có thể phát triển thành dự án Khu dân cư, Khu đô thị, Cụm công nghiệp. Tài sản đảm bảo: không có. Lợi nhuận hợp tác theo hợp đồng là 80% tính trên lợi nhuận trước thuế thu được từ việc đầu tư và lợi nhuận tối thiểu là 5% tính trên tổng vốn đầu tư. Thời hạn hợp tác đầu tư đến hết ngày 18/6/2022. Giá trị hợp tác đầu tư là 120.000.000.000 VND. Số dư tại ngày 30/6/2021 là 60.000.000.000 VND.

(2) Theo Quyết định số 02/2021/Louis ICTB ngày 10/3/2021 của Chủ tịch Công ty TNHH Louis IC Tân Bình, quyết định tạm ứng cho ông Mai Hồng Phúc (Bên liên quan - xem mục IX.3) số tiền 11.168.000.000 VND nhằm thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng và mở rộng dự án Cụm công nghiệp Tân Bình. Số dư tạm ứng tại ngày 30/6/2021 là 11.168.000.000 VND.

(3) Theo Quyết định số 40/2021/LITA ngày 06/3/2021 của Chủ tịch Công ty TNHH Louis IC Trị An, quyết định tạm ứng số tiền 45.000.000.000 VND cho ông Võ Kim Nguyên (Bên liên quan - xem mục IX.3) nhằm mục đích chi trả tiền đền bù, giải phóng mặt bằng trong việc thực hiện Dự án Cụm công nghiệp Trị An. Số dư tạm ứng tại ngày 30/6/2021 là 44.990.000.000 VND.

(4) Theo Quyết định số 2602/2021/ASDT ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Đô Thị An Sinh Định Thành, quyết định tạm ứng số tiền 125.000.000.000 VND cho ông Phạm Văn Cung (Bên liên quan - xem mục IX.3) nhằm mục đích chi trả tiền đền bù, giải phóng mặt bằng trong việc thực hiện Dự án Khu Đô thị mới và Trung tâm Giáo dục – An sinh Xã hội Định Thành.

(5) Theo Quyết định số 2011/2020/BIDICO/HĐQT-QĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng quản trị, Công ty quyết định tạm ứng số tiền 30.000.000.000 VND cho ông Võ Phú Nông (Bên liên quan - xem mục IX.3) nhằm mục đích tiến hành thu mua đất tại dự án Cụm Công nghiệp Thăng Hải III, tỉnh Bình Thuận. Số dư tại ngày 30/6/2021 là 22.115.547.825 đồng.

**6. Nợ xấu (Xem trang 42).**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Hàng tồn kho	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	1.202.172.988	(24.701.600)
Chi phí sản xuất KD dở dang (*)	26.981.818.180	-	416.161.035	(122.567.493)
Thành phẩm	4.318.107	(4.318.107)	1.397.949.752	(50.951.095)
Hàng hoá	51.578.046.561	-	83.504.992.327	-
<b>Cộng</b>	<b>78.564.182.848</b>	<b>(4.318.107)</b>	<b>86.521.276.102</b>	<b>(198.220.188)</b>

(\*) Chủ yếu là các chi phí thi công san lấp mặt bằng và cải tạo nhà văn phòng tại thửa đất ven biển thuộc tả ngạn Sông Dinh, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 4.318.107 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay phải trả tại thời điểm cuối kỳ: xem thuyết minh số V.17 - Vay và nợ thuê tài chính.
- Lý do dẫn đến việc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do thành phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ.

8. Tài sản cố định hữu hình (Xem trang 43).

9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	23.390.640.000	<b>23.390.640.000</b>
<i>Giảm do thoái vốn</i>	(23.390.640.000)	<i>(23.390.640.000)</i>
Số dư cuối kỳ	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ	23.390.640.000	<b>23.390.640.000</b>
Số dư cuối kỳ	-	-

\* Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: Không có.

\* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: Không có.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/6/2021	01/01/2021
<b>a. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các Cụm công nghiệp</b>		
Công trình Cụm công nghiệp Thăng Hải 1 (1)	18.718.434.611	20.338.230.442
Công trình Cụm công nghiệp Thăng Hải 2 (2)	91.903.844.157	91.903.844.157
Công trình Cụm công nghiệp Tân Bình (3)	29.753.897.147	28.243.666.238
Dự án khai thác cát trắng tại xã Tân Phước, thị xã Lagi	-	7.009.074.464
<b>b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các Công trình khác</b>		
Mua sắm tài sản cố định	318.181.818	4.072.625.735
Cơ sở hạ tầng nhà máy may mặc Thuận Hưng Phát (4)	15.222.545.455	-
Công trình khác	-	22.889.666.452
<b>Cộng</b>	<b>155.916.903.188</b>	<b>174.457.107.488</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)**

(1) Công trình Cụm công nghiệp Thăng Hải 1 đến nay đã hoàn tất các thủ tục pháp lý đầu tư theo quy định và cơ bản hoàn thành hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch. Kế hoạch thực hiện dự án từ nay đến tháng 6/2022: bổ sung một vài ngành nghề để thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp, đánh giá bổ sung tác động môi trường, đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải và chỉnh trang bộ mặt Cụm công nghiệp.

(2) Công trình Cụm công nghiệp Thăng Hải 2 đến nay đã hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng, cơ bản hoàn thành các thủ tục đầu tư như: lập và xin phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500, lập và trình thẩm duyệt PCCC, lập thiết kế kỹ thuật bản vẽ thi công hạ tầng Cụm công nghiệp, lập và trình duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép xây dựng, đã gửi hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Cụm công nghiệp Thăng Hải 2 tại Sở Tài nguyên Môi trường. Kế hoạch thực hiện dự án từ nay đến hết tháng 12/2022: điều chỉnh lại giấy phép xây dựng và quy hoạch 1/500, xây dựng đường giao thông nội bộ, thi công hàng rào, cây xanh và hệ thống điện chiếu sáng.

(3) Công trình Cụm công nghiệp Tân Bình đến nay đã hoàn tất các thủ tục pháp lý đầu tư theo quy định và cơ bản đã hoàn thành 50% tiến độ xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong Cụm công nghiệp theo quy hoạch. Kế hoạch thực hiện dự án từ nay đến hết tháng 12/2022: bổ sung một vài ngành nghề để thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp, đánh giá bổ sung tác động môi trường, hoàn thiện nhà máy xử lý nước thải, hoàn thành đường giao thông nội bộ, hoàn thiện hệ thống thoát nước, san lấp mặt bằng phần còn lại và chỉnh trang bộ mặt Cụm công nghiệp.

(4) Theo nghị quyết Hội đồng thành viên số 22/2021/HĐTV-NQ ngày 30 tháng 6 năm 2021, Hội đồng thành viên thống nhất việc tái khởi động việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng nhà máy may mặc xuất khẩu Thuận Hưng Phát trong năm 2021, dự kiến đưa vào hoạt động trong quý 2 năm 2022 để sản xuất.

<b>11. Chi phí trả trước</b>	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>Dài hạn</b>	-	<b>33.125.584.819</b>
Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ	-	8.370.313.072
Chi phí quyền KT khoáng sản cát tận thu tại CCN Thăng Hải 2	-	304.287.079
Tiền thuê đất	-	24.449.429.120
Chi phí khác	-	1.555.548
<b>Cộng</b>	-	<b>33.125.584.819</b>

<b>12. Phải trả người bán</b>	<b>30/6/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>39.453.152.887</b>	<b>39.453.152.887</b>	<b>69.287.300.466</b>	<b>69.287.300.466</b>
DNTN Kinh doanh Lương thực Đặc Thành	10.320.000.000	10.320.000.000	-	-
Công ty TNHH Việt ASD	20.527.880.000	20.527.880.000	-	-
Công ty TNHH MTV Cát Tường (bên liên quan)	554.628.928	554.628.928	554.628.928	554.628.928
Các đối tượng khác	8.050.643.959	8.050.643.959	68.732.671.538	68.732.671.538
<b>Cộng</b>	<b>39.453.152.887</b>	<b>39.453.152.887</b>	<b>69.287.300.466</b>	<b>69.287.300.466</b>

<b>13. Người mua trả tiền trước</b>	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>291.178.800</b>	<b>6.867.328.800</b>
Các đối tượng khác	291.178.800	6.867.328.800
<b>Cộng</b>	<b>291.178.800</b>	<b>6.867.328.800</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2021
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.427.729.555	-	1.061.431.519	1.366.298.036
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.040.971.538	-	9.040.971.538	-
Thuế thu nhập cá nhân	295.680.671	125.607.252	173.030.415	248.257.508
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.126.440.489	-	-	1.126.440.489
Các loại thuế khác	28.500.000	8.000.000	30.500.000	6.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.919.322.253</b>	<b>133.607.252</b>	<b>10.305.933.472</b>	<b>2.746.996.033</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế nhập khẩu nộp thừa	3.624.000	3.624.000	-	-
Thuế TNDN nộp thừa	809.802.441	-	-	809.802.441
<b>Cộng</b>	<b>813.426.441</b>	<b>3.624.000</b>	<b>-</b>	<b>809.802.441</b>

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2021	01/01/2021
Chi phí lãi vay còn phải trả	12.979.740.052	23.849.322.250
Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải 1 (*)	13.624.193.481	13.624.193.481
Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải 2 (*)	23.779.248.760	23.779.248.760
Chi phí thi công CSHT tại KCN Tân Bình 1	1.992.792.339	1.992.792.339
Tiền thuê đất CCN Thăng Hải 1 và 2 phải trả	15.661.800.000	15.661.800.000
Chi phí vận chuyển	-	192.326.148
Chi phí phải trả khác	1.804.157.927	1.804.157.927
<b>Cộng</b>	<b>69.841.932.559</b>	<b>80.903.840.905</b>

(\*) Là các chi phí thi công cơ sở hạ tầng, liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng, cho thuê tại KCN Thăng Hải 1 & Thăng Hải 2.

**16. Phải trả khác**

	30/6/2021	01/01/2021
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	151.928.883	151.928.883
Bảo hiểm xã hội	394.211.026	424.931.290
Bảo hiểm y tế	53.886.740	57.408.476
Bảo hiểm thất nghiệp	24.231.525	25.853.553
Công ty TNHH Kinh doanh Vật liệu xây dựng Lagi	-	3.197.419.339
Phải trả tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Cục thuế Bình Thuận	1.312.192.000	1.312.192.000
Thuế GTGT phải nộp bổ sung cho Nhà nước	2.697.732.795	2.697.732.795
Các khoản phải trả khác	5.758.142.182	6.953.843.373
Phải trả khác là các bên liên quan (xem Thuyết minh IX.3)	4.963.435.311	27.927.249.073
<b>Cộng</b>	<b>15.355.760.462</b>	<b>42.748.558.782</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>16. Phải trả khác (tiếp theo)</b>	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Louis Holdings (*)	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

(\*) Đây là khoản hỗ trợ tài chính của Công ty Cổ phần Louis Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất nhập khẩu Louis Rice) cho Công ty Cổ phần Louis Land để bổ sung vốn tái cấu trúc các hoạt động của Công ty theo Hợp đồng hợp tác chiến lược số 01/2020/HĐCN ngày 5 tháng 10 năm 2020, thời gian hỗ trợ tài chính là 2 năm không tính lãi.

<b>17. Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>30/6/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>98.116.755.528</b>	<b>98.116.755.528</b>	<b>130.753.763.048</b>	<b>130.753.763.048</b>
<b>Vay Ngân hàng</b>	<b>74.990.000.000</b>	<b>74.990.000.000</b>	<b>87.719.608.697</b>	<b>87.719.608.697</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN số 11	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thành Đô	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - CN Gia Định	-	-	2.719.608.697	2.719.608.697
(1) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tân Bình	74.990.000.000	74.990.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>23.126.755.528</b>	<b>23.126.755.528</b>	<b>43.034.154.351</b>	<b>43.034.154.351</b>
(2) Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - CN Gia Định	23.126.755.528	23.126.755.528	43.034.154.351	43.034.154.351
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.843.722.526</b>	<b>2.843.722.526</b>
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - CN Gia Định	-	-	2.843.722.526	2.843.722.526
<b>Cộng</b>	<b>98.116.755.528</b>	<b>98.116.755.528</b>	<b>133.597.485.574</b>	<b>133.597.485.574</b>
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - CN Gia Định	23.126.755.528	23.126.755.528	21.491.910.528	21.491.910.528
<b>Cộng</b>	<b>23.126.755.528</b>	<b>23.126.755.528</b>	<b>21.491.910.528</b>	<b>21.491.910.528</b>

(\*) Số liệu trình bày trên cơ sở cam kết trả nợ của Tập đoàn và thể hiện sự quyết tâm của Tập đoàn đối với nghĩa vụ thanh toán của mình.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH

**Thuyết minh khoản vay Ngân hàng**

(1) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tân Bình gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
6360-LAV-202000666	12 tháng	8,5%/năm	74.990.000.000	Quyền sử dụng đất của bên thứ ba

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Gia Định gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
338/HĐTD-SCB-CNGĐ.16 ngày 03/8/2016	60 tháng	11,2%/năm	450.800.000	Phương tiện vận tải
182/HĐTD-SCB-CNGĐ.16 ngày 06/5/2016 và 7 phụ lục bổ sung	60 tháng	10,8%/năm	22.675.955.528	Cổ phần thông thường do BII phát hành, quyền sử dụng đất của bên thứ ba và các tài sản khác.

**18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	576.800.000.000	(68.697.596.501)	10.563.843.212	518.666.246.711
Lỗ trong kỳ	-	(88.712.531.885)	(651.580.330)	(89.364.112.215)
Số dư cuối kỳ trước	576.800.000.000	(157.410.128.386)	9.912.262.882	429.302.134.496
Số dư đầu kỳ này	576.800.000.000	(22.854.748.332)	11.298.167.659	565.243.419.327
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	-	35.211.114.271	(275.768.507)	34.935.345.764
Giảm khác	-	-	520.000.086	520.000.086
Số dư cuối kỳ này	576.800.000.000	12.356.365.939	11.542.399.238	600.698.765.177

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	30/6/2021	01/01/2021
Nguyễn Văn Dũng	5,20%	29.992.600.000	67.736.900.000
Nguyễn Thị Mai (*)	5,13%	29.567.000.000	29.567.000.000
Lê Quang Nhuận	5,07%	29.270.000.000	-
Vũ Ngọc Long	0,00%	-	30.000.000.000
Đỗ Thành Nhân	0,00%	-	70.610.100.000
Các cổ đông khác	84,60%	487.970.400.000	378.886.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>576.800.000.000</b>	<b>576.800.000.000</b>

(\*) Bà Nguyễn Thị Mai đã sử dụng 2.200.000 cổ phần dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay của Tập đoàn tại Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Gia Định theo hợp đồng tín dụng số 182/HĐTD-SCB-CNGĐ.16 ngày 06/5/2016 .

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	30/6/2021	01/01/2021
Vốn góp của chủ sở hữu	576.800.000.000	576.800.000.000
<i>Vốn góp đầu kỳ</i>	576.800.000.000	576.800.000.000
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>	576.800.000.000	576.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
<b>Cộng</b>	<b>576.800.000.000</b>	<b>576.800.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.680.000	57.680.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	57.680.000	57.680.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.680.000	57.680.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	57.680.000	57.680.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<b>1. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hoá	158.594.650.000	-
Doanh thu cho thuê đất, thuê văn phòng	772.727.273	-
<b>Cộng doanh thu</b>	<b>159.367.377.273</b>	<b>-</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn hàng hóa đã bán	153.660.521.650	-
Giá vốn cho thuê đất, thuê văn phòng	341.383.104	-
<b>Cộng</b>	<b>154.001.904.754</b>	<b>-</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng	407.079	103.417
Lãi từ thanh lý công ty Con	85.176.358.036	-
<b>Cộng</b>	<b>85.176.765.115</b>	<b>103.417</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	5.014.148.749	4.800.281.725
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	14.235.694	-
Lỗ từ thanh lý công ty Con	33.045.857.203	-
<b>Cộng</b>	<b>38.074.241.646</b>	<b>4.800.281.725</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<b>5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí khấu hao TSCĐ	505.246.428	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.553.400	-
<b>Cộng</b>	<b>507.799.828</b>	<b>-</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	2.203.304.094	1.016.472.366
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	-	109.030.252
Chi phí khấu hao TSCĐ	157.261.974	307.612.236
Thuế, phí, lệ phí	28.022.877	23.898.460
Dự phòng (Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	4.319.399.672	80.135.774.573
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.257.343.067	270.645.656
Chi phí bằng tiền khác	523.960.039	168.926.292
Lợi thế thương mại	678.898.278	-
<b>Cộng</b>	<b>9.168.190.001</b>	<b>82.032.359.835</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>	<b>6 tháng đầu năm 2020</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản	29.686.928	513.458.845
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập từ thanh lý tài sản</i>	<i>8.400.000.000</i>	<i>1.636.363.636</i>
<i>Chi phí từ thanh lý tài sản</i>	<i>8.370.313.072</i>	<i>1.122.904.791</i>
<b>Cộng</b>	<b>29.686.928</b>	<b>513.458.845</b>
<b>7. Chi phí khác</b>	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>	<b>6 tháng đầu năm 2020</b>
Chi phí ngưng hoạt động	-	1.806.513.651
Chi phí do xử lý thành phẩm tồn đọng lâu năm	-	150.739.937
Chi phí xử lý tổn thất tài sản	2.440.035.014	-
Chi phí xử lý quyền khai thác khoáng sản	304.287.079	-
Chi phí khác	-	1.087.779.329
<b>Cộng</b>	<b>2.744.322.093</b>	<b>3.045.032.917</b>
<b>8. Lãi trên cổ phiếu</b>	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>	<b>6 tháng đầu năm 2020</b>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>34.935.345.764</b>	<b>(89.364.112.215)</b>
<b>Trong đó:</b>		
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ</i>	<i>35.211.114.271</i>	<i>(88.712.531.885)</i>
<i>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>(275.768.507)</i>	<i>(651.580.330)</i>
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông công ty mẹ</b>	<b>35.211.114.271</b>	<b>(88.712.531.885)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	57.680.000	57.680.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>610</b>	<b>(1.538)</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>610</b>	<b>(1.538)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VII. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**1. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản Tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng, các khoản vay và nợ phải trả khác.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền, các khoản cho vay và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Tập đoàn đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
<b>6 tháng đầu năm 2021</b>		
VND	+100	319.407.067
VND	-100	(319.407.067)
<b>6 tháng đầu năm 2020</b>		
VND	+200	(1.340.958.132)
VND	-200	1.340.958.132

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)****Rủi ro về Bất động sản**

Tập đoàn đã xác định được các rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư Bất động sản: (i) các chi phí phải trả dự án có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Tập đoàn thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về cách lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi đề án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch; (ii) rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư Bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

**2. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt Tập đoàn thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Tập đoàn chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	<u>Quá hạn bị suy giảm</u>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	
>181 ngày	13.438.080.930
<b>Tổng cộng giá trị ghi sổ</b>	<b>13.438.080.930</b>
Dự phòng giảm giá trị	(13.438.080.930)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>-</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	
>181 ngày	87.738.065.982
<b>Tổng cộng giá trị ghi sổ</b>	<b>87.738.065.982</b>
Dự phòng giảm giá trị	(59.625.898.169)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>28.112.167.813</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	98.116.755.528	-	-	98.116.755.528
Phải trả người bán	39.453.152.887	-	-	39.453.152.887
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	81.875.702.052	100.000.000.000	-	181.875.702.052
<b>Cộng</b>	<b>219.445.610.467</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>319.445.610.467</b>
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	130.753.763.048	2.843.722.526	-	133.597.485.574
Phải trả người bán	69.287.300.466	-	-	69.287.300.466
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	120.294.544.690	100.000.000.000	-	220.294.544.690
<b>Cộng</b>	<b>320.335.608.204</b>	<b>102.843.722.526</b>	<b>-</b>	<b>423.179.330.730</b>

Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Tập đoàn đã sử dụng một phần tài sản cố định làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.17 - Vay và nợ thuê tài chính).

Tập đoàn đã sử dụng tài sản của bên thứ ba là cổ phiếu do BII phát hành và quyền sử dụng đất tại xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận và xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn và dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.17 - Vay và nợ thuê tài chính).

**VIII. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: (Xem trang 44).**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Các cam kết và thông tin tài chính khác**

Đến thời điểm hiện tại, Tập đoàn đang thực hiện việc tái cấu trúc Công ty với mục tiêu hoàn thành các dự án hiện tại và tập trung nguồn vốn lưu động để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Sau khi tái cấu trúc, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định xác định lấy bất động sản làm trọng tâm để thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn, đồng thời phù hợp với hệ sinh thái trong hệ thống Tập đoàn. Giai đoạn đầu sẽ lấy bất động sản công nghiệp làm trọng tâm, để tận dụng quỹ đất hiện có và giai đoạn tiếp theo sẽ phát triển bất động sản thương mại, dịch vụ.

Dựa trên nhận định tình hình cụ thể của Tập đoàn trong năm 2021, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã đề ra kế hoạch hành động cụ thể như sau:

- Đầu tư dự án nhà máy chế biến rau củ quả áp dụng công nghệ cao để xuất khẩu;
- Đầu tư thông qua hình thức M&A lại các Nhà máy chế biến gạo tại An Giang;
- Xúc tiến thu hút đầu tư và ký kết các hợp đồng thuê đất tại Cụm Công nghiệp Tân Bình, Cụm Công nghiệp Thăng Hải 1, Cụm Công nghiệp Thăng Hải 2 (chi phí dự án trình bày tại mục V.10);
- Đẩy nhanh xây dựng Cụm Công nghiệp Thăng Hải 3, tiếp tục triển khai đầu tư các dự án bất động sản mà Tập đoàn đang đầu tư và thoái vốn khỏi các dự án không khả thi, chiếm dụng vốn cao.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các cá nhân, tổ chức nhận chuyển nhượng vốn đầu tư từ các công ty Con của Công ty chưa được đăng ký thay đổi chủ sở hữu tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty cam kết sẽ phối hợp với các cá nhân và tổ chức này để hoàn thiện các thủ tục pháp lý có liên quan trong thời gian sớm nhất có thể.

Tập đoàn đã sử dụng toàn bộ vốn góp của chủ sở hữu tại các công ty Con: Công ty TNHH MTV Đô Thị An Sinh Định Thành; Công ty TNHH Louis IC Tân Bình; Công ty TNHH Louis IC Trị An để tạm ứng cho các cá nhân nhằm mục đích chi trả tiền đền bù, giải phóng mặt bằng trong việc thực hiện các dự án tại các công ty này. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng đã sử dụng toàn bộ vốn góp của chủ sở hữu tại Công ty TNHH Louis Bricks (một công ty Con) để ứng trước cho Công ty TNHH Louis Decor & Construction nhằm thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất gạch không nung. Tập đoàn đã góp vốn hợp tác đầu tư tại Công ty TNHH Thương mại Tài chính Hồng Việt nhưng chưa có tài sản đảm bảo. Tổng giá trị đã tạm ứng, hợp tác là: 295.273.547.825 VND. Tập đoàn cam kết sẽ tìm kiếm và duy trì nguồn vốn để đảm bảo các hoạt động kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Ngoài các thông tin nêu trên, không có các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và thông tin quan trọng nào khác yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Vào ngày 02 tháng 7 năm 2021, Công ty mẹ nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp đăng ký thay đổi đến lần thứ 25, thay đổi người đại diện theo pháp luật hiện tại là Ông Lục Tấn Huy giữ chức vụ Tổng Giám đốc trước đó là Ông Huỳnh Quang Vinh.

Công ty mẹ đã thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 theo nghị quyết số 59/2021/LH/HĐQT-NQ ngày 12/7/2021 với nội dung phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty. Thời gian dự kiến tổ chức cuộc họp trong tháng 8/2021 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH MTV Kinh doanh Hạ Tầng Bảo Thư Trị An hiện nay đã dừng hoạt động và Công ty hiện đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể theo quyết định số 01/2021/QĐGT ngày 12 tháng 8 năm 2021.

Ngoài ra, không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán quan trọng nào khác yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Giao dịch với các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan**

Ông Lê Quang Nhuận	Chủ tịch HĐQT
Ông Lục Tấn Huy	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT, Cổ đông
Ông Võ Phú Nông	Cổ đông
Ông Võ Kim Nguyên	Trưởng ban Quan hệ Cổ đông
Bà Nguyễn Thị Mai	Cổ đông
Ông Trần Hữu Vân	Trưởng Ban quản lý Cụm Công nghiệp, Cổ Đông
Bà Trần Thị Thu Phương	Giám đốc Công ty con
Ông Hoàng Xuân Thành	Giám đốc Công ty con
Ông Phạm Văn Cung	Bên liên quan
Bà Từ Thị Hồng Thanh	Bên liên quan
Ông Trương Phúc Vinh	Bên liên quan
Bà Lê Thị Hải Yến	Bên liên quan trước đây
Công ty TNHH XNK Lương thực Thực phẩm Thiên Vũ	Bên liên quan
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	Bên liên quan
Công ty TNHH Golden Resource	Bên liên quan
Công ty TNHH Thương mại tài chính Hồng Việt	Bên liên quan
Công ty TNHH MTV Cát Tường	Bên liên quan
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư Phát triển Bình Thuận	Bên liên quan

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau

Phải thu khách hàng là các bên liên quan	30/6/2021	01/01/2021
Ông Trần Hữu Vân	30.500.000.000	-
Công ty TNHH Golden Resource	9.690.000.000	-
Công ty TNHH XNK Lương thực Thực phẩm Thiên Vũ	22.445.323.500	-
<b>Cộng</b>	<b>62.635.323.500</b>	<b>-</b>
Trả trước cho người bán	30/6/2021	01/01/2021
Bà Từ Thị Hồng Thanh	75.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>-</b>
Phải thu khác là các bên liên quan	30/6/2021	01/01/2021
Ông Võ Phú Nông	22.115.547.825	93.961.931.850
Ông Phạm Văn Cung	125.000.000.000	-
Ông Võ Kim Nguyên	44.990.000.000	20.510.980.000
Ông Mai Hồng Phúc	11.168.000.000	45.000.000.000
Bà Lê Thị Hải Yến	-	872.400.000
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	7.079.214.015	-
Công ty TNHH Thương mại tài chính Hồng Việt	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư Phát triển Bình Thuận	215.023.080	25.635.323.080
<b>Cộng</b>	<b>270.567.784.920</b>	<b>185.980.634.930</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau

<b>Phải trả người bán</b>	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
Công ty TNHH MTV Cát Tường	(554.628.928)	(554.628.928)
<b>Cộng</b>	<b>(554.628.928)</b>	<b>(554.628.928)</b>
<b>Phải trả khác là các bên liên quan</b>	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
Ông Nguyễn Văn Dũng	(1.050.000.000)	(1.485.000.000)
Ông Võ Kim Nguyên	(195.000.000)	(200.000.000)
Bà Từ Thị Hồng Thanh	(201.650.000)	-
Bà Nguyễn Thị Mai	(2.016.785.311)	(10.449.349.073)
Bà Trần Thị Thu Phương	(1.500.000.000)	-
Công ty TNHH MTV Cát Tường	-	(15.792.900.000)
<b>Cộng</b>	<b>(4.963.435.311)</b>	<b>(27.927.249.073)</b>
<b>Chuyển nhượng vốn đầu tư</b>	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>	<b>6 tháng đầu năm 2020</b>
Ông Trần Hữu Vân	150.700.000.000	-
Ông Trương Phúc Vinh	49.808.900.000	-
Ông Mai Hồng Phúc	2.451.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>202.959.900.000</b>	<b>-</b>
<b>Thanh lý quyền khai thác mỏ cát trắng Tân Phước</b>	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>	<b>6 tháng đầu năm 2020</b>
Công ty TNHH MTV Cát Tường	8.400.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.400.000.000</b>	<b>-</b>
<b>+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>	<b>6 tháng đầu năm 2020</b>
Ông Lê Quang Nhuận      Chủ tịch HĐQT	270.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Dũng      Thành viên HĐQT	270.000.000	88.888.888
Ông Huỳnh Quang Vinh      Thành viên HĐQT	132.279.167	-
Ông Nguyễn Quốc Hồ      Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 08/02/2021)	-	33.333.333
Ông Lục Tấn Huy      Tổng Giám đốc	50.000.000	-
Ông Ngô Thục Vũ      Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 22/2/2021, miễn nhiệm ngày 26/4/2021)	100.000.000	-
Ông Võ Phú Nông      Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18/12/2020)	-	166.666.665
Ông Trương Tấn Hùng      Tư vấn	-	15.000.000
Ông Võ Kim Nguyên      Trưởng ban Quan hệ Cổ đông	155.807.583	150.000.000
<b>Cộng</b>	<b>978.086.750</b>	<b>453.888.886</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và bán buôn gạo, các hoạt động kinh doanh của các công ty con hầu như không phát sinh, đồng thời doanh thu chủ yếu của Tập đoàn chỉ phát sinh ở tỉnh Bình Thuận, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc không có sự khác biệt đáng kể rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Tập đoàn không trình bày Báo cáo bộ phận.

**5. Điều chỉnh lại số liệu so sánh**

Một số chỉ tiêu đầu kỳ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện hành.

**a. Nguyên nhân điều chỉnh**

Vào thời điểm ngày 21/12/2020, Tập đoàn đã thực hiện đầu tư vào Công ty TNHH Golden Resource bằng hình thức nhận chuyển nhượng lại phần vốn góp của Chủ sở hữu cá nhân - Bà Lê Thị Hải Yến (bên liên quan trước đây) - với giá trị nhận chuyển nhượng là 89.127.600.000 VND, tương ứng quyền sở hữu 99,03% vốn điều lệ của Công ty TNHH Golden Resource (hoạt động chính là buôn bán lúa gạo). Ban Tổng Giám đốc đã xác định giá trị hợp lý bằng giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty TNHH Golden Resource tại ngày mua là 124.045.857.203 VND dựa trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của công ty này cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Tập đoàn đã hạch toán lãi từ giao dịch mua giá rẻ này (34.918.257.203 đồng) vào vốn chủ sở hữu (khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước), mà không đưa vào kết quả hoạt động kinh doanh (khoản mục Thu nhập khác) của năm tài chính 2020. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã xem xét các thông tin trong quá khứ và thực hiện điều chỉnh hồi tố liên quan đến việc đã hạch toán nghiệp vụ lãi từ giao dịch mua giá rẻ phát sinh vào cuối năm 2020.

**b. Tình hình biến động các chỉ tiêu trong vốn chủ sở hữu năm 2020**

Chỉ tiêu	Số đã trình bày		Số trình bày lại	
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	Lũy kế đến cuối kỳ trước (421a)	Kỳ này (421b)	Lũy kế đến cuối kỳ trước (421a)	Kỳ này (421b)
Tại ngày 01/01/2020	28.401.260.553	(101.448.097.054)	28.401.260.553	(101.448.097.054)
Kết chuyển trong năm	(101.448.097.054)	101.448.097.054	(101.448.097.054)	101.448.097.054
Lãi/(Lỗ) trong năm	-	15.273.830.966	-	50.192.088.169
Mua công ty trong năm	34.918.257.203	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	(38.128.579.298)	15.273.830.966	(73.046.836.501)	50.192.088.169

**c. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh**

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã trình bày (1)	Số trình bày lại (2)	Chênh lệch (3)=(2)-(1)
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>		<b>31/12/2020</b>	<b>31/12/2020</b>	
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(38.128.579.298)	(73.046.836.501)	(34.918.257.203)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	15.273.830.966	50.192.088.169	34.918.257.203

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Điều chỉnh lại số liệu so sánh (tiếp theo)**

**c. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh**

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã trình bày (1)	Số trình bày lại (2)	Chênh lệch (3)=(2)-(1)
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</b>		<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2020</b>	
Thu nhập khác	31	2.472.616.324	37.390.873.527	34.918.257.203
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	14.807.070.448	49.725.327.651	34.918.257.203
LNST TNDN của Cổ đông Công ty mẹ	61	15.273.830.966	50.192.088.169	34.918.257.203
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	265	870	605
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	265	870	605
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>		<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2020</b>	
Lợi nhuận trước thuế	01	14.807.070.448	49.725.327.651	34.918.257.203
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.516.559.330	(29.401.697.873)	(34.918.257.203)

Việc điều chỉnh này không ảnh hưởng đến số liệu so sánh trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 do nghiệp vụ phát sinh bị ảnh hưởng phát sinh vào thời điểm cuối năm 2020.

**6. Thông tin về hoạt động liên tục:**

Tập đoàn vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai và báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

NGƯỜI LẬP BIỂU



MAI THỊ KIM PHƯỢNG

KÊ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ MINH HIỆP

Bình Thuận, ngày 27 tháng 8 năm 2021



LỤC TẤN HUY

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V.2. Các khoản đầu tư tài chính**

	30/6/2021		01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
2.1. Chứng khoán kinh doanh					
Công ty TNHH Bao bì Thuận Hưng Phát	25.000.000.000	(14.235.694)	24.985.764.306	-	-
<b>Cộng</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>(14.235.694)</b>	<b>24.985.764.306</b>	-	-

(\*) Công ty TNHH Bao bì Thuận Hưng Phát, trước đây là Công ty TNHH Bao bì Vạn Tín, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314568717, đăng ký lần đầu ngày 11/8/2017 và thay đổi lần thứ 5 ngày 22/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Bao bì Thuận Hưng Phát với giá mua là 25 tỷ đồng chiếm quyền sở hữu 96,15% vốn điều lệ với mục đích thương mại và quyền kiểm soát được xác định là tạm thời. Tập đoàn đã thống nhất quyết định chủ trương bán toàn bộ phần vốn góp sở hữu tại Công ty TNHH Bao bì Thuận Hưng Phát theo Quyết định Hội đồng thành viên số 04/2019/HĐTV-NQ ngày 09 tháng 4 năm 2019 và đang trong quá trình thỏa thuận với nhà đầu tư.

**2.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2021		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng (*)	130.000.000.000	130.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>	-	-

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 6 với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất là 5,1%/năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.6. Nợ xấu	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, trả trước người bán quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	13.438.080.930	-	87.738.065.982	28.112.167.813
Doanh nghiệp tư nhân Hạ Tiến	3.520.400.000	-	3.520.400.000	1.056.120.000
Công ty TNHH Vận tải và Xây lắp Phan Nguyễn	1.325.096.123	-	2.658.700.000	2.155.282.789
Công ty TNHH Vận tải Thăng Hải	1.967.583.400	-	16.125.507.385	8.062.753.692
Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Hiền	575.001.407	-	1.967.583.400	-
Trung tâm Quy Hoạch Và Đầu tư Tài Nguyên Nước	6.000.000.000	-	1.265.000.000	-
Công ty TNHH MTV Chế Biến Cát Bình Thuận	50.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác			62.200.875.197	16.838.011.332

- Tổng giá trị các khoản phải thu, trả trước người bán quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Doanh nghiệp tư nhân Hạ Tiến

Công ty TNHH Vận tải và Xây lắp Phan Nguyễn

Công ty TNHH Vận tải Thăng Hải

Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Hiền

Trung tâm Quy Hoạch Và Đầu tư Tài Nguyên Nước

Công ty TNHH MTV Chế Biến Cát Bình Thuận

Các đối tượng khác

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.8. Tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ		33.418.914.925	60.876.252.462	3.457.646.363	102.940.909	3.267.200.068	101.122.954.727
Mua trong kỳ		-	49.990.909	-	-	-	49.990.909
Tăng do mua mới công ty		9.409.706.623	10.640.660.068	861.624.544	-	-	20.911.991.235
Giảm do thoái vốn		(32.510.469.981)	(60.876.252.462)	(1.912.041.817)	(102.940.909)	(3.267.200.068)	(98.668.905.237)
Số dư cuối kỳ		10.318.151.567	10.690.650.977	2.407.229.090	-	-	23.416.031.634
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ		9.204.403.766	21.372.934.276	2.870.395.137	102.940.909	1.156.788.481	34.707.462.568
Khấu hao trong kỳ		-	549.375.258	113.133.144	-	-	662.508.402
Tăng do mua mới công ty		9.409.706.623	5.648.923.227	861.624.544	-	-	15.920.254.394
Giảm do thoái vốn		(8.295.958.822)	(21.372.934.276)	(1.660.356.972)	(102.940.909)	(1.156.788.481)	(32.588.979.459)
Số dư cuối kỳ		10.318.151.567	6.198.298.485	2.184.795.854	-	-	18.701.245.905
Giá trị còn lại							
Số dư đầu kỳ		24.214.511.159	39.503.318.187	587.251.226	-	2.110.411.588	66.415.492.159
Số dư cuối kỳ		-	4.492.352.493	222.433.237	-	-	4.714.785.729

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.552.429.179 VND.

\* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 222.433.238 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VIII. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý		
	30/6/2021	31/12/2020	30/6/2021	30/6/2021	31/12/2020	31/12/2020
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>						
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	130.000.000.000	-	-	-	130.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	134.227.973.080	(5.487.983.400)	157.021.243.415	(4.431.863.400)	128.739.989.680	152.589.380.015
Phải thu khác	250.789.486.943	(7.325.096.123)	3.850.221.379	(3.461.946.799)	243.464.390.820	388.274.580
Tiền và các khoản tương đương tiền	447.848.864	-	2.581.203.771	-	447.848.864	2.581.203.771
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>540.465.308.887</b>	<b>(12.827.315.217)</b>	<b>163.452.668.565</b>	<b>(7.893.810.199)</b>	<b>527.637.993.670</b>	<b>155.558.858.366</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay và nợ	98.116.755.528	-	133.597.485.574	-	98.116.755.528	133.597.485.574
Phải trả người bán	39.453.152.887	-	69.287.300.466	-	39.453.152.887	69.287.300.466
Chi phí phải trả	69.841.932.559	-	80.903.840.905	-	69.841.932.559	80.903.840.905
Phải trả khác	112.033.769.493	-	139.390.703.785	-	112.033.769.493	139.390.703.785
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>319.445.610.467</b>	<b>-</b>	<b>423.179.330.730</b>	<b>-</b>	<b>319.445.610.467</b>	<b>423.179.330.730</b>